

## HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số:.....20...../HĐNT/TVF2026

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2026 tại văn phòng Công ty TNHH Trúng Việt Farm, chúng tôi gồm:

### BÊN A: CÔNG TY TNHH TRÚNG VIỆT FARM (Gọi tắt là bên A)

Đại diện : Ông **Đặng Quang Thức**  
Chức vụ : Giám đốc công ty  
Địa chỉ : Số 1121 phố Mới Tiểu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.  
Mã số thuế : 2301376507  
Điện thoại : 0978677197  
Tài khoản số : 11798888 tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - chi nhánh Long Biên, Hà Nội  
Mã số thuế : 2301376507

### BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM TRỌNG TÍN (Gọi tắt là bên B)

Đại diện : Bà **Nguyễn Thị Thanh Nhài**  
Chức vụ : Giám đốc Công ty  
Trụ sở chính : Thôn 3 – Xã Nam Phù – TP. Hà Nội, Việt Nam  
Địa điểm KD : Đường Đồng Tâm, Xã Hồng Vân, TP. Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại : 0982157254  
Tài khoản số : 118000122508, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam PGD Hoàng Mai  
Mã số thuế : **0106535710**

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

#### Điều 1. Đối tượng hợp đồng

- 1.1 Bên A đồng ý cung cấp cho bên B mặt hàng sản phẩm trứng gia cầm sau đây gọi là hàng hóa.
- 1.2 Các mặt hàng cụ thể sẽ được hai bên xác nhận qua đơn đặt hàng.

#### Điều 2. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thanh toán cho Bên A theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 4 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

#### Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết cung cấp cho Bên B đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này cùng các giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng của hàng hóa, chịu hoàn toàn trách nhiệm và chi phí nếu để xảy ra vấn đề mất an toàn thực phẩm, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Bán hàng chất lượng tốt cho Bên B, hướng dẫn Bên B trong việc sử dụng bảo quản hàng, việc tiếp thị để xây dựng nhu cầu của khách hàng về Các Sản Phẩm.

#### **Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng theo giá bên A cung cấp cho từng thời điểm, thời gian bình ổn giá áp dụng theo từng tháng (từ ngày mùng một đến hết tháng). Nếu giá cả thị trường có biến động lớn bên A được quyền điều chỉnh giá và sẽ thông báo cho bên B trước 7 ngày.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.

b) Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo đơn đặt hàng.

Bên B sẽ thanh toán 100% lượng hàng đã mua cho Bên A ngay sau khi nhận đủ biên bản nghiệm thu theo từng đơn đặt hàng.

c) Đồng tiền thanh toán trong hợp đồng : VND ( Đồng Việt Nam)

#### **Điều 5. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

#### **Điều 6. Chấm dứt hợp đồng**

Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:

6.1. Theo sự thỏa thuận của Hai Bên

6.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên kia biết trước 15 ngày.

6.3. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên B gia hạn;

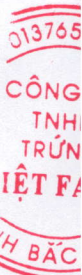
b) Bên A bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

#### **Điều 7. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 1 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo qui định pháp luật



**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 04 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2027 và duy trì cho các năm kế tiếp về sau cho đến khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bộ, mỗi bên giữ 01(một) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**



*[Signature]*  
**GIÁM ĐỐC**  
*Dặng Quang Chức*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thị Thanh Nhài*



SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẮC NINH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ  
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2301376507**

*Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 12 năm 2025*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 05 tháng 01 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRÚNG VIỆT FARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET FARM EGG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET FARM EGG CO., LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Điện thoại: 0978677197

Số Fax:

Thư điện tử: *trungvietfarm2025@gmail.com*

Website:

**3. Vốn điều lệ : 1.500.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ, chữ đệm và tên: ĐẶNG QUANG THỨC

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/02/1963*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 034063015358

Địa chỉ liên lạc: *Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ, chữ đệm và tên: ĐẶNG QUANG THỨC

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/02/1963

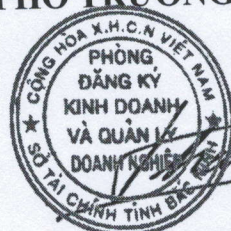
Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034063015358

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 126 Đường Trương Giang, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Bá Thắng



Số: 288 /QĐ-SNNMT

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-SNNMT ngày 23/9/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản ngày 02/02/2026 của Đoàn thẩm định Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 259/QĐ-SNNMT ngày 29/01/2026 đối với Công ty TNHH trứng Việt Farm, địa chỉ: Số 1211, phố Mối Tiêu Sơn, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra biên bản thẩm định cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với Công ty TNHH trứng Việt Farm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Sở.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với Công ty TNHH trứng Việt Farm.

Địa chỉ: Số 1211, phố Mới Tiêu Sơn, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Loại hình: Kinh doanh trứng gia cầm.

*(Có Giấy chứng nhận kèm theo)*

**Điều 2.** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có hiệu lực đến ngày 04/02/2029, Công ty TNHH trứng Việt Farm có trách nhiệm chấp hành, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm do Công ty kinh doanh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Sở, Công ty TNHH trứng Việt Farm và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Đ/c Nguyễn Hồng Quang – PGĐ Sở;
- UBND phường Tam Sơn (để biết);
- Lưu: VT, P.CCPT (đ/c Doanh). *ph*

**GIÁM ĐỐC**



**Dương Thanh Tùng**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
CERTIFICATE  
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH**  
**CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATION**

Cơ sở/ Establishment: **CÔNG TY TNHH TRỨNG VIỆT FARM**

Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: **2301376507**

Địa chỉ/ Address: Số 1211, phố Mới Tiêu Sơn, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại/ Tel: 0978.677.197; Email: trungvietfarm2025@gmail.com

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để kinh doanh sản phẩm:**

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

Kinh doanh trứng gia cầm

Số cấp/Number: **11/2026/SNNMT-BN**

Có hiệu lực đến ngày **04 tháng 02 năm 2029**

Valid until (date/month/year): **04/02/2029**

*Bắc Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2026*

*Bac Ninh, 05/02/2026*

**GIÁM ĐỐC**



**Dương Thanh Tùng**

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26d061801-U62L3E9 Ngày / Date: 26/02/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**CÔNG TY TNHH TRỨNG VIỆT FARM**

Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26d0618-01

Tên mẫu thử / name: Trứng Gà tươi

Ngày sản xuất / mfg.: 05/02/2026

Nơi sản xuất / mfr.: Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày tiếp nhận / receipt date: 6/2/2026

Thời gian lưu mẫu / Storage time: Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date: 6/2/2026 - 26/2/2026

Mô tả / desc.: Mẫu thực phẩm, đóng trong hộp, trên hộp dán thông tin mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Khối lượng sản phẩm	61,836	g	HDPP 02-KNTP	IRDOP
2.	Protein	12,75	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP VS
3.	Chất béo toàn phần	10,70	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
4.	Canxi (Ca)	44,18	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
5.	Salmonella spp.	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
6.	Enterobacteriaceae	KPH (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	IRDOP VS

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo NBĐ 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**

Trần Thị Lan

**KHIỂN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG / Vice President**  
Nguyễn Bá Xuân Trường

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26d061802-U62L3EE Ngày / Date: 26/02/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**CÔNG TY TNHH TRỨNG VIỆT FARM**

Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26d0618-02

**Tên mẫu thử / name.:** Trứng Gà ta**Ngày sản xuất / mfg.:** 05/02/2026**Nơi sản xuất / mfr.:** Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Ngày tiếp nhận / receipt date.:** 6/2/2026**Thời gian lưu mẫu / Storage time:** Không có mẫu lưu**Ngày thử nghiệm / test date.:** 6/2/2026 - 26/2/2026**Mô tả / desc.:** Mẫu thực phẩm, đóng trong hộp, trên hộp dán thông tin mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Khối lượng sản phẩm	54,673	g	HDPP 02-KNTP	IRDOP
2.	Protein	13,88	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP VS
3.	Chất béo toàn phần	9,76	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
4.	Canxi (Ca)	57,18	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
5.	Salmonella spp.	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
6.	Enterobacteriaceae	KPH (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	IRDOP VS

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

ĐĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo NBĐ 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**

Trần Thị Lan

**KHOA KIỂM NGHIỆM**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG / Vice President**

Nguyễn Bá Xuân Trường



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26d061803-U62L3F9 Ngày / Date: 26/02/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**CÔNG TY TNHH TRỨNG VIỆT FARM**

Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26d0618-03

**Tên mẫu thử / name.:** Trứng Cút tươi**Ngày sản xuất / mfg.:** 05/02/2026**Nơi sản xuất / mfr.:** Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Ngày tiếp nhận / receipt date.:** 6/2/2026**Thời gian lưu mẫu / Storage time:** Không có mẫu lưu**Ngày thử nghiệm / test date.:** 6/2/2026 - 26/2/2026**Mô tả / desc.:** Mẫu thực phẩm, đóng trong hộp, trên hộp dán thông tin mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Khối lượng sản phẩm	11,744	g	HDPP 02-KNTP	IRDOP
2.	Protein	11,61	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP VS
3.	Chất béo toàn phần	10,67	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
4.	Canxi (Ca)	100,37	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
5.	Salmonella spp.	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
6.	Enterobacteriaceae	KPH (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	IRDOP VS

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

ĐDC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**  
Trần Thị Lan**KHIẾN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG / Vice President**  
Nguyễn Bá Xuân Trường

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26d061804-U62L3FJ Ngày / Date: 26/02/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**CÔNG TY TNHH TRỨNG VIỆT FARM**

Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26d0618-04

**Tên mẫu thử / name.:** Trứng Vịt tươi**Ngày sản xuất / mfg.:** 05/02/2026**Nơi sản xuất / mfr.:** Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Ngày tiếp nhận / receipt date.:** 6/2/2026**Thời gian lưu mẫu / Storage time:** Không có mẫu lưu**Ngày thử nghiệm / test date.:** 6/2/2026 - 26/2/2026**Mô tả / desc.:** Mẫu thực phẩm, đóng trong hộp, trên hộp dán thông tin mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Khối lượng sản phẩm	57,813	g	HDPP 02-KNTP	IRDOP
2.	Protein	12,73	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP VS
3.	Chất béo toàn phần	13,04	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
4.	Canxi (Ca)	56,20	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
5.	Salmonella spp.	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
6.	Enterobacteriaceae	KPH (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	IRDOP VS

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**

Trần Thị Lan

**KTVIÊN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIÊN TRƯỞNG / Vice President**

Nguyễn Bá Xuân Trường



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26d061805-U62L3G6 Ngày / Date: 26/02/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**CÔNG TY TNHH TRỨNG VIỆT FARM**

Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26d0618-05

Tên mẫu thử / name.: Trứng Cút bóc

Ngày sản xuất / mfg.: 05/02/2026

Nơi sản xuất / mfr.: Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày tiếp nhận / receipt date.: 6/2/2026

Thời gian lưu mẫu / Storage time: Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date.: 6/2/2026 - 26/2/2026

Mô tả / desc.:

Mẫu thực phẩm, đóng trong hộp, trên hộp dán thông tin mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Khối lượng sản phẩm	11,537	g	HDPP 02-KNTP	IRDOP
2.	Protein	12,09	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP VS
3.	Chất béo toàn phần	9,65	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
4.	Canxi (Ca)	35,30	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
5.	Salmonella spp.	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
6.	Enterobacteriaceae	KPH (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	IRDOP VS

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

ĐTC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**  
Trần Thị Lan**KTI VIÊN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIÊN TRƯỞNG / Vice President**

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26d061806-U62L3GF Ngày / Date: 26/02/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**CÔNG TY TNHH TRỨNG VIỆT FARM**

Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26d0618-06

**Tên mẫu thử / name.:****Trứng Gà bóc****Ngày sản xuất / mfg.:**

05/02/2026

**Nơi sản xuất / mfr.:**

Số 1121 phố Mới Tiêu Sơn, Phường Tam Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**Ngày tiếp nhận / receipt date.:**

6/2/2026

**Thời gian lưu mẫu / Storage time:**

Không có mẫu lưu

**Ngày thử nghiệm / test date.:**

6/2/2026 - 26/2/2026

**Mô tả / desc.:**

Mẫu thực phẩm, đóng trong hộp, trên hộp dán thông tin mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Khối lượng sản phẩm	54,380	g	HDPP 02-KNTP	IRDOP
2.	Protein	12,04	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP VS
3.	Chất béo toàn phần	10,18	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
4.	Canxi (Ca)	23,82	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
5.	Salmonella spp.	KPH (eLOD <sub>50</sub> :5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
6.	Enterobacteriaceae	KPH (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	IRDOP VS

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**

Trần Thị Lan

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG / Vice President**

Nguyễn Bá Xuân Trường

